

Số: 12/22/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Báo Cáo Tài Chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2021**

---

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - a. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 23/03/2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
  - b. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 13.787.789.102 đồng, tăng 1.894.360.888 đồng, tương đương tăng 16% so với cùng kỳ năm 2020, do năm 2021 Công ty đã triển khai thực hiện cơ cấu lại nhóm sản phẩm kinh doanh có hiệu quả cao theo đúng mục tiêu, định hướng của HĐQT đã đề, tập trung chủ yếu nhóm sản phẩm sản xuất tại Công ty mẹ, Công ty con và hàng Công ty độc quyền phân phối, từ đó cải thiện tỷ lệ lãi gộp trong bối cảnh đại dịch Covid 19 vẫn còn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình chung.
  - c. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 giảm 3.662.666.091 đồng so với báo cáo công ty tự lập, tương đương 21%, nguyên nhân là do kiểm toán điều chỉnh việc ghi nhận một số khoản mục doanh thu và chi phí.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.



**PHẠM THỨ TRIỆU**

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 43



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 5 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020; và giao dịch chính thức trên HOSE vào ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Gia Bảo	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để Ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61607262/22976158

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) được lập Ngày 23 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>594.222.347.223</b>	<b>616.917.005.118</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>16.866.684.524</b>	<b>13.138.521.190</b>
111	1. Tiền		16.866.684.524	10.138.521.190
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>11.190.035.616</b>	<b>21.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.190.035.616	21.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>158.194.333.526</b>	<b>186.633.937.084</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	116.874.052.692	176.144.791.718
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.414.454.012	1.094.599.791
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	40.510.564.993	10.753.755.269
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(604.738.171)	(1.359.209.694)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>396.002.395.086</b>	<b>382.845.895.329</b>
141	1. Hàng tồn kho		405.012.964.711	387.819.341.891
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.010.569.625)	(4.973.446.562)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.968.898.471</b>	<b>13.298.651.515</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	314.526.907	527.753.282
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	11.654.371.564	12.770.898.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>158.567.065.130</b>	<b>203.310.955.665</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.376.235.711</b>	<b>4.870.414.087</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		2.376.235.711	4.870.414.087
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>23.936.072.244</b>	<b>22.097.433.456</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.845.948.766	17.953.490.148
222	Nguyên giá		52.432.422.223	49.314.849.686
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.586.473.457)	(31.361.359.538)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	92.727.273	-
225	Nguyên giá		92.727.273	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3.997.396.205	4.143.943.308
228	Nguyên giá		5.895.780.457	6.131.878.777
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.898.384.252)	(1.987.935.469)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>5.079.318.618</b>	<b>292.950.900</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.079.318.618	292.950.900
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>16</b>	<b>106.529.349.580</b>	<b>156.653.927.580</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	58.421.124.580	108.545.702.580
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	48.108.225.000	48.108.225.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.646.088.977</b>	<b>19.396.229.642</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	16.377.701.920	16.813.852.971
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30.3	4.268.387.057	2.582.376.671
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>752.789.412.353</b>	<b>820.227.960.783</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>558.648.489.165</b>	<b>627.764.574.087</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>553.904.016.414</b>	<b>608.102.314.231</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	191.917.056.801	205.875.317.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	854.401.925	209.385.483
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.049.492.464	7.306.689.131
314	4. Phải trả người lao động		9.371.104.280	5.378.869.749
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	5.485.805.162	4.686.169.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		203.636.364	180.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	775.591.838	1.575.928.636
320	8. Vay ngắn hạn	22	340.392.364.984	382.309.263.093
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		854.562.596	580.691.186
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.744.472.751</b>	<b>19.662.259.856</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	9.349.752.856
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	1.082.651.200	130.500.000
338	3. Vay dài hạn	22	3.661.821.551	10.182.007.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>194.140.923.188</b>	<b>192.463.386.696</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23.1</b>	<b>194.090.923.188</b>	<b>192.413.386.696</b>
411	1. Vốn cổ phần		142.051.160.000	135.288.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		142.051.160.000	135.288.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		523.056.160	433.056.160
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.876.126.506	8.876.126.506
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.103.758.429	45.279.241.937
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		27.977.969.327	33.385.813.723
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.125.789.102	11.893.428.214
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>782.789.412.353</b>	<b>820.227.960.783</b>

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Khắc Hanh  
Kế toán trưởng

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	602.812.893.964	812.792.635.472
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(21.795.315.122)	(6.678.546.520)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	581.017.578.842	806.114.088.952
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(412.139.386.180)	(625.578.244.666)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.878.192.662	180.535.844.286
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	26.356.517.310	11.931.033.617
22	7. Chi phí tài chính	26	(21.370.683.512)	(24.601.208.458)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(20.755.811.732)	(22.634.349.767)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(130.415.307.489)	(124.396.485.042)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(25.623.259.327)	(30.476.097.910)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.825.459.644	12.993.086.493
31	11. Thu nhập khác	28	429.889.555	1.690.900.191
32	12. Chi phí khác	28	(104.223.471)	(1.864.411.839)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	325.666.084	(173.511.648)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.151.125.728	12.819.574.845
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(6.049.347.012)	(4.106.046.171)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	1.686.010.386	3.179.899.540
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		13.787.789.102	11.893.428.214

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>18.151.125.728</b>	<b>12.819.574.845</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12	2.813.554.599	2.843.715.119
03	Các khoản dự phòng		3.282.651.540	5.411.737.021
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.496.051.866	1.264.189.604
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(18.385.470.203)	(6.434.957.947)
06	Chi phí lãi vay	26	20.755.811.732	22.634.349.767
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>30.113.725.262</b>	<b>38.538.608.409</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		32.804.780.126	(59.647.966.825)
10	Tăng hàng tồn kho		(17.193.622.820)	(103.836.732.896)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(23.667.005.402)	71.703.663.560
12	Giảm chi phí trả trước		649.377.426	1.213.227.465
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.992.441.987)	(22.145.345.263)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(8.244.064.926)	(356.673.997)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(320.800.000)	(1.331.405.953)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(6.850.052.321)</b>	<b>(75.862.625.500)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(9.438.561.105)	(940.854.720)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		59.002.423	-
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57.690.035.616)	(6.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		67.500.000.000	1.317.960.204
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(2.048.930.000)	-
26	Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác		68.894.944.757	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia		1.605.031.023	3.476.092.947
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>68.881.451.482</b>	<b>(2.146.801.569)</b>





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	22	537.220.647.815	748.049.340.946
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(585.657.731.373)	(668.867.019.203)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(9.917.555.900)	(68.443.245)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(58.354.639.458)</b>	<b>79.113.878.498</b>
<b>50</b>	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>3.676.759.703</b>	<b>1.104.451.429</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>13.138.521.190</b>	<b>12.060.733.685</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.403.631	(26.663.924)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>16.866.684.524</b>	<b>13.138.521.190</b>

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020; và giao dịch chính thức trên HOSE vào ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cảnh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 477 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 422).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề Ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng mua - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
đang đi đường và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 năm
-------------------	--------



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	13.417.453.094	9.003.088.949
Tiền mặt	3.449.231.430	1.135.432.241
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.866.684.524</u></b>	<b><u>13.138.521.190</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	3.190.035.616	3.190.035.616	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.190.035.616</u></b>	<b><u>11.190.035.616</u></b>	<b><u>21.000.000.000</u></b>	<b><u>21.000.000.000</u></b>

(\*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 22.1).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	116.704.280.544	175.557.460.451
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Pharmacy	2.442.104.382	295.517.261
Công ty CP dược phẩm FPT Long Châu	1.963.715.018	658.569.813
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	1.950.981.686	13.935.618.040
Bệnh viện Đa khoa Bình Dương	1.362.900.000	177.135.000
Khác	108.984.579.458	160.490.620.337
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	169.772.148	587.331.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.874.052.692</u></b>	<b><u>176.144.791.718</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(604.738.171)	(1.359.209.694)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>116.269.314.521</u></b>	<b><u>174.785.582.024</u></b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam "Techcombank" (Thuyết minh số 22.1 và 22.3).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.359.209.694	131.983.795
Dự phòng trích lập trong năm	865.604.199	1.359.209.694
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.620.075.722)	(22.539.405)
Xóa sổ	-	(109.444.390)
Số cuối năm	<u>604.738.171</u>	<u>1.359.209.694</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.414.454.012	544.399.791
<i>PK Benelux BV</i>	1.146.410.781	-
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - Cổ phần</i>	-	276.228.810
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva</i>	-	200.000.000
<i>Khác</i>	268.043.231	68.170.981
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	550.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.414.454.012</b></u>	<u><b>1.094.599.791</b></u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.510.564.993</b>	<b>10.753.755.269</b>
Tạm ứng cho nhân viên	36.625.519.116	2.449.660.774
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.750.330.058	3.940.568.270
Các khoản chi hộ	431.554.866	1.264.292.144
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	703.160.953	140.369.081
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	2.958.865.000
<b>Dài hạn</b>	<b>2.376.235.711</b>	<b>4.870.414.087</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	705.276.231	3.404.014.087
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Khác	300.959.480	96.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>42.886.800.704</b></u>	<u><b>15.624.169.356</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	355.474.522.600	(9.010.569.625)	370.336.098.612	(4.973.446.562)
Hàng đang đi trên đường	43.358.982.513	-	13.903.136.097	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.195.511.648	-	1.814.892.384	-
Thành phẩm	3.914.343.024	-	1.760.279.153	-
Hàng hóa ký gửi	-	-	4.935.645	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.604.926	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>405.012.964.711</u></b>	<b><u>(9.010.569.625)</u></b>	<b><u>387.819.341.891</u></b>	<b><u>(4.973.446.562)</u></b>

(\*) Hàng tồn kho là dược phẩm các loại được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.973.446.562	788.935.440
Dự phòng trích lập trong năm	18.138.695.092	11.704.430.861
Sử dụng và bán trong năm	(14.101.572.029)	(7.337.601.795)
Xuất hủy trong năm	-	(182.317.944)
Số cuối năm	<u>9.010.569.625</u>	<u>4.973.446.562</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>314.526.907</b>	<b>527.753.282</b>
Chi phí mua bảo hiểm	107.008.556	27.765.342
Chi phí sửa chữa và bảo trì	84.046.667	67.555.515
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	51.656.794	366.013.425
Khác	71.814.890	66.419.000
<b>Dài hạn</b>	<b>16.377.701.920</b>	<b>16.813.852.971</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	9.908.838.546	10.318.501.312
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.156.930.162	4.836.597.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.082.538.955	956.952.150
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	446.789.297	118.468.974
Quyền phân phối sản phẩm	-	583.333.333
Khác	782.604.960	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.692.228.827</u></b>	<b><u>17.341.606.253</u></b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dân	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	19.428.924.936	9.367.887.453	12.992.938.196	7.525.099.101	49.314.849.686
Mua trong năm	-	984.819.090	3.406.789.091	78.043.000	4.469.651.181
Thanh lý trong năm	-	-	(1.677.991.964)	-	(1.677.991.964)
Phân loại lại	-	4.895.126.272	(839.795.531)	(3.729.417.421)	325.913.320
Số cuối năm	19.428.924.936	15.247.832.815	13.881.939.792	3.873.724.680	52.432.422.223
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	6.714.087.689	3.094.477.045	4.009.021.415	6.574.437.101	20.392.023.250
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(10.749.122.528)	(5.869.961.940)	(7.626.880.766)	(7.115.394.304)	(31.361.359.538)
Khấu hao trong năm	(758.753.794)	(760.250.014)	(903.330.259)	(154.858.432)	(2.577.192.499)
Thanh lý trong năm	-	-	1.677.991.964	-	1.677.991.964
Phân loại lại	-	(5.315.871.024)	(231.204.480)	5.221.162.168	(325.913.384)
Số cuối năm	(11.507.876.322)	(11.946.082.978)	(7.083.423.541)	(2.049.090.568)	(32.586.473.457)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	8.679.802.408	3.497.925.513	5.366.057.430	409.704.797	17.953.490.148
Số cuối năm	7.921.048.614	3.301.749.837	6.798.516.251	1.824.634.112	19.845.948.766
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22.1 và 22.3)	3.308.232.014	126.923.324	2.813.541.014	-	6.248.696.352



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	4.302.988.457	1.828.890.320	6.131.878.777
Mua trong năm	-	89.815.000	89.815.000
Phân loại lại	-	(325.913.320)	(325.913.320)
Số cuối năm	4.302.988.457	1.592.792.000	5.895.780.457
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	-	1.294.752.000	1.294.752.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(438.441.925)	(1.549.493.544)	(1.987.935.469)
Hao mòn trong năm	(39.273.712)	(197.088.388)	(236.362.100)
Phân loại lại	-	325.913.317	325.913.317
Số cuối năm	(477.715.637)	(1.420.668.615)	(1.898.384.252)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	3.864.546.532	279.396.776	4.143.943.308
Số cuối năm	3.825.272.820	172.123.385	3.997.396.205
<b>Trong đó:</b>			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22.1 và 22.3)	3.550.519.817	-	3.550.519.817



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	<u>92.727.273</u>
Số cuối năm	<u>92.727.273</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>-</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>92.727.273</u>

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đây là Quyền sử dụng đất tại số 9, đường Đồng Khởi, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở về mức giá cho thuê của bất động sản đầu tư.

*Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:*

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>1.162.409.096</u>	<u>1.121.818.181</u>

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Sửa chữa kho	5.079.318.618	-
Máy đóng gói chất lỏng tự động	<u>-</u>	<u>292.950.900</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>5.079.318.618</u>	<u>292.950.900</u>

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 16.1</i> )	58.421.124.580	108.545.702.580
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 16.2</i> )	<u>48.108.225.000</u>	<u>48.108.225.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>106.529.349.580</u>	<u>156.653.927.580</u>



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (*)	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	58.421.124.580	85,90	56.372.194.580	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (*)	Đang hoạt động	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, hóa dược, dược liệu	-	0,00	52.173.508.000	51,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>58.421.124.580</b>		<b>108.545.702.580</b>	

(\*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 01/16.06/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

3.485.470 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 51,00% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("Biopharco") cho một nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/27.04/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2021 với tổng giá trị là 68.894.944.757 VND. Theo đó, Công ty không còn quyền sở hữu trong Biopharco sau ngày 30 tháng 4 năm 2021.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	48.108.225.000	23,14	48.108.225.000	23,14

(\*) 4.226.950 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 22.1).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>191.917.056.801</b>	<b>205.875.317.550</b>
Các bên khác	176.116.259.177	184.626.322.664
<i>Gedeon Richter Public Limited Company</i>	76.580.005.794	31.308.635.797
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	55.135.716.808	73.385.709.734
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến</i>	-	10.990.242.643
<i>Công ty Cổ phần Vacc xin và Sinh phẩm</i>		
<i>Nha Trang</i>	10.973.981.698	-
<i>Khác</i>	33.426.554.877	68.941.734.490
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	15.800.797.624	21.248.994.886
<b>Dài hạn</b>	-	<b>9.349.752.856</b>
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	9.349.752.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>191.917.056.801</b>	<b>215.225.070.406</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn Phòng Đại Diện - Chemical Works of Gedeon Richter Plc tại TP. Hồ Chí Minh	796.468.817	51.474.093
V.R.S.C Cambodia Co., Ltd	-	69.019.812
Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh	-	33.075.000
Khác	57.933.108	55.816.578
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>854.401.925</b>	<b>209.385.483</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.444.064.925	6.049.347.012	(8.244.064.926)	3.249.347.011
Thuế thu nhập cá nhân	1.790.767.695	1.774.636.070	(2.850.554.464)	714.849.301
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71.856.511	252.512.503.717	(252.499.064.076)	85.296.152
Thuế khác	-	735.428.408	(735.428.408)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.306.689.131</b>	<b>261.071.915.207</b>	<b>(264.329.111.874)</b>	<b>4.049.492.464</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.770.898.233	250.803.950.036	(251.920.476.705)	11.654.371.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	4.516.631.189	3.639.270.774
Lãi vay	252.374.249	489.004.504
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	210.600.000	110.000.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	164.799.724	333.330.406
Khác	341.400.000	114.563.719
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.485.805.162</u></b>	<b><u>4.686.169.403</u></b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>775.591.838</b>	<b>1.575.928.636</b>
Cổ tức phải trả	429.488.150	403.462.850
Kinh phí công đoàn	341.601.688	147.311.355
Khác	4.502.000	1.025.154.431
<b>Dài hạn</b>	<b>1.082.651.200</b>	<b>130.500.000</b>
Ký quỹ đã nhận	1.082.651.200	130.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.858.243.038</u></b>	<b><u>1.706.428.636</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại	VND Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>382.309.263.093</b>	<b>534.955.738.724</b>	<b>(579.457.731.373)</b>	<b>2.585.094.540</b>	<b>340.392.364.984</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	379.482.186.456	534.955.738.724	(576.718.091.373)	-	337.719.833.807
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	187.436.637	-	(100.000.000)	-	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	2.639.640.000	-	(2.639.640.000)	2.552.640.000	2.552.640.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	-	-	-	32.454.540	32.454.540
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.182.007.000</b>	<b>2.264.909.091</b>	<b>(6.200.000.000)</b>	<b>(2.585.094.540)</b>	<b>3.661.821.551</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	6.182.007.000	-	-	(2.552.640.000)	3.629.367.000
Vay bên khác Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 22.4)	4.000.000.000	2.200.000.000	(6.200.000.000)	-	-
		64.909.091	-	(32.454.540)	32.454.551
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>392.491.270.093</b>	<b>537.220.647.815</b>	<b>(585.657.731.373)</b>	<b>-</b>	<b>344.054.186.535</b>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. VAY (tiếp theo)

#### 22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi (%/năm)	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
-----------	----------------------	----------------------------------	----------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	265.392.462.626	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	Từ 5,5 đến 5,6	50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 3.485.470 cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Yên Bái thuộc sở hữu Công ty; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 5, số 77, số 80, số 81, số 59, số 82, số 115, số 118, số 118, số 280 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo.
-------------	-----------------	---	-------------------	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	42.385.794.499	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022	5,6	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.190.035.616 VND; phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
-------------	----------------	---	-----	---

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	29.941.576.682	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 đến ngày 20 tháng 9 năm 2022	Từ 5,5 đến 5,6	Tín chấp
-------------	----------------	--	-------------------	----------

**TỔNG CỘNG 337.719.833.807**

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên của Công ty và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

### 22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	5.609.007.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8,6	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số BG 992958
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	440.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	133.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.182.007.000</u></b>				

Trong đó:

Vay dài hạn  
đến hạn trả 2.552.640.000  
Vay dài hạn 3.629.367.000

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.4 Các khoản thuế tài chính

Chi tiết các khoản thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	32.454.540	-	-	-	-
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Từ 1-5 năm	32.454.551	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.909.091</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư và phát triển	Quý khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	35.348.258.317	182.482.403.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	11.893.428.214	11.893.428.214
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(604.222.372)	(604.222.372)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(1.358.222.222)	(1.358.222.222)
Số cuối năm	135.288.140.000	433.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	45.279.241.937	192.413.386.696
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	45.279.241.937	192.413.386.696
Tăng vốn (*)	6.763.020.000	-	-	-	(6.763.020.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	13.787.789.102	13.787.789.102
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(9.943.581.200)	(9.943.581.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(594.671.410)	(594.671.410)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(1.662.000.000)	(1.662.000.000)
Khác	-	90.000.000	-	-	-	90.000.000
Số cuối năm	142.051.160.000	523.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	40.103.758.429	194.090.923.188

(\*) Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Công ty đã phát hành 676.302 cổ phiếu mới với mức giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2020 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	135.288.140.000	135.288.140.000
Vốn góp tăng trong năm	6.763.020.000	-
Số cuối năm	<u>142.051.160.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

**23.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã trả	9.917.555.900	68.443.245

**23.4 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số đầu năm (cổ phiếu)	Số cuối năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>13.528.814</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>13.528.814</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>602.812.893.964</b>	<b>812.792.635.472</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	596.248.620.257	804.835.111.605
Doanh thu bán thành phẩm	5.317.740.902	6.748.541.499
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.162.409.096	1.121.818.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.123.709	87.164.187
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(21.795.315.122)</b>	<b>(6.678.546.520)</b>
Chiết khấu thương mại	(17.538.328.407)	(5.968.122.496)
Hàng bán bị trả lại	(4.234.180.314)	(697.024.024)
Giảm giá hàng bán	(22.806.401)	(13.400.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>581.017.578.842</b>	<b>806.114.088.952</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	574.561.510.833	798.451.003.274
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	5.209.535.204	6.454.103.310
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	1.246.532.805	1.208.982.368
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	579.293.541.184	737.754.207.144
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.724.037.658	68.359.881.808

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	16.721.436.757	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.851.714.699	5.087.409.060
Lãi tiền gửi	1.605.031.023	1.320.843.047
Chiết khấu thanh toán	178.334.831	408.666.610
Cổ tức được chia	-	5.114.114.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.356.517.310</b>	<b>11.931.033.617</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	407.299.604.698	619.175.559.149
Giá vốn thành phẩm	4.691.318.628	6.138.086.808
Giá vốn thuê hoạt động	148.462.854	264.598.709
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>412.139.386.180</b>	<b>625.578.244.666</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	20.755.811.732	22.634.349.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	614.871.780	1.966.858.691
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.370.683.512</u></b>	<b><u>24.601.208.458</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>130.415.307.489</b>	<b>124.396.485.042</b>
Chi phí nhân viên	77.757.505.848	81.653.126.489
Chi phí khuyến mãi	22.461.826.971	7.537.570.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.543.601.047	23.593.821.078
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.715.727.668	1.229.820.088
Khác	6.936.645.955	10.382.147.094
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25.623.259.327</b>	<b>30.476.097.910</b>
Chi phí nhân viên	14.233.242.160	14.241.299.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.635.022.034	5.393.151.547
Chi phí vật liệu quản lý	248.442.581	3.996.211.738
Chi phí khấu hao và hao mòn	664.984.145	1.018.128.280
Khác	2.841.568.407	5.827.307.054
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>156.038.566.816</u></b>	<b><u>154.872.582.952</u></b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>429.889.555</b>	<b>1.690.900.191</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	59.002.423	-
Hàng tặng nhận được từ nhà cung cấp	-	560.754.168
Xóa sổ công nợ	-	473.258.330
Tiền phạt và tiền bồi thường nhận được	-	368.807.610
Khác	370.887.132	288.080.083
<b>Chi phí khác</b>	<b>(104.223.471)</b>	<b>(1.864.411.839)</b>
Phạt thuế	(8.513.053)	(1.848.362.199)
Khác	(95.710.418)	(16.049.640)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b><u>325.666.084</u></b>	<b><u>(173.511.648)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	407.299.604.698	619.175.559.149
Chi phí nhân viên	97.789.819.950	99.313.827.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.153.792.847	21.849.703.388
Chi phí nguyên vật liệu	6.636.202.550	5.839.443.689
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12)	2.813.554.599	2.843.715.119
Chi phí khuyến mãi	22.461.826.971	-
Chi phí khác	16.201.662.462	22.476.185.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>561.356.464.077</u></b>	<b><u>771.498.435.044</u></b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.049.347.012	5.508.213.166
Chi phí thuế TNDN trích thừa từ những năm trước	-	(1.402.166.995)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.049.347.012	4.106.046.171
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.686.010.386)	(3.179.899.540)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.363.336.626</u></b>	<b><u>926.146.631</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>18.151.125.728</u></b>	<b><u>12.819.574.845</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.630.225.146	2.563.914.968
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	733.111.480	787.221.638
Cổ tức được chia	-	(1.022.822.980)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa từ những năm trước	-	(1.402.166.995)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>4.363.336.626</u></b>	<b><u>926.146.631</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

**30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí trích trước	1.097.161.032	937.233.881	159.927.151	937.233.881
Chi phí lãi vay	4.002.612.052	2.559.843.608	1.442.768.444	2.559.843.608
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(831.386.027)	(914.700.818)	83.314.791	(317.177.949)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>4.268.387.057</b>	<b>2.582.376.671</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>			<b>1.686.010.386</b>	<b>3.179.899.540</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	29.063.985.313 1.039.032.398	40.454.348.109 67.633.888.368
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng	849.752.160	1.146.535.530
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Cổ tức	685.005.260 -	725.993.440 3.804.255.000
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con đến ngày 30 tháng 4 năm 2021	Mua hàng hóa Cổ tức	5.493.550.773 -	25.618.947.586 1.309.859.900

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Năm nay	Năm trước	
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	956.116.227	564.300.000	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	162.000.000	-	
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	94.500.000	504.300.000	
Ông Phạm Thử Triệu	Tổng Giám đốc	1.101.813.942	1.079.865.000	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	615.542.127	549.095.327	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	536.812.374	534.042.499	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	306.192.008	465.316.400	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	254.406.300	456.077.499	
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	221.631.444	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	283.500.000	264.300.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	283.500.000	264.300.000	
Ông Lê Vĩnh Danh	Thành viên	13.500.000	144.300.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.607.882.978</b>	<b>5.047.528.169</b>	

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác





# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	169.772.148	117.268.767	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Bán hàng hóa	-	470.062.500	
			<b>169.772.148</b>	<b>587.331.267</b>	
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn</b>					
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	550.200.000	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cổ tức	-	2.958.865.000	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	15.800.797.624	8.731.482.288	
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con đến ngày 30 tháng 4 năm 2021	Mua hàng hóa	-	12.359.694.521	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	157.818.077	
			<b>15.800.797.624</b>	<b>21.248.994.886</b>	
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	-	9.349.752.856	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	14.425.587.200	14.948.888.000
Từ 1 – 5 năm	70.383.600.000	70.383.600.000
Trên 5 năm	7.038.360.000	14.076.720.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.847.547.200</u></b>	<b><u>99.409.208.000</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.150.909.091	979.636.364
Từ 1 – 5 năm	1.849.110.909	1.570.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.000.020.000</u></b>	<b><u>2.549.636.364</u></b>

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	-	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật		
tư Y tế Quảng Ngãi	-	66.641.390
Đại lý Cao Văn Tươi	-	33.111.268
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	-	6.584.879
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	-	3.106.853
Ngoại tệ		
USD	49,262	234,24
EUR	17,265	201,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


**34. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỶ**

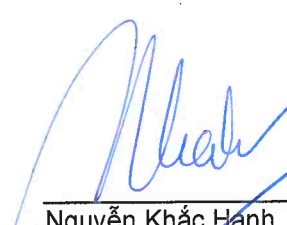
***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2022